

Bản án số: 229/2021/DS-PT
Ngày: 15/3/2021
Về việc: “*Tranh chấp
hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Ông Lê Ngọc Tường

Các Thẩm phán: 1. Ông Lại Huỳnh Tú
2. Bà Lê Thị Anh Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 15/3/2021, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 693/2020/TLPT-DS ngày 28/12/2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 357/2020/DS-ST ngày 18/8/2020 của Tòa án nhân dân Quận 12 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 546/2021/QĐ-PT ngày 22/02/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lương Công T, sinh năm 1988

Địa chỉ: Lô 9, đường C5, thôn PNN, xã VN, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: 45/36 (số mới 50/5B) đường BG, Phường MB, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Thanh T1, sinh năm 1992 (có mặt)

Địa chỉ thường trú: 18C1 Khu phố 3A, phường TL, Quận MH, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: 114 đường số M, Phường MB, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: 45/36 (số mới 50/5B) đường BG, Phường MB, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Bà Huỳnh Thị Thúy V, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: 89 đường BV, Phường MB, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: Số 1A đường số s, tổ BM, Khu phố B, Phường T, Quận MM, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. *Người làm chứng*: Ông Lê Vũ Đình Q, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: 113C NHC, Phường HH, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Ông Trần Thanh T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Lương Công T ngày 30/01/2018, các bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn ủy quyền cho ông Nguyễn Tuấn A đại diện trình bày:

Ngày 14/8/2017, qua giới thiệu từ ông Nguyễn Tuấn A; ông Lương Công T có cho ông Trần Thanh T1 vay mượn số tiền 600.000.000 đồng để trả nợ, không tính lãi và ông T1 hẹn sẽ trả thành 02 đợt: Đợt 1 trả 200.000.000 đồng vào ngày 25/8/2017 và đợt 2 trả 400.000.000 đồng vào ngày 10/9/2017. Cùng ngày 14/8/2017, ông T1 đã nhận đủ tiền, tự ghi Giấy mượn tiền có chữ ký xác nhận và chữ viết “Đã nhận đủ tiền”. Qua hai đợt, ngày 25/8/2017 và ngày 10/9/2017 là ngày hẹn trả tiền nhưng ông T1 đã lẩn tránh không chịu trả tiền.

Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu buộc ông T1 phải trả cho ông T số tiền 600.000.000 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và không yêu cầu tính tiền lãi.

Tại các bản tự khai 11/01/2019, ngày 12/8/2019 và biên bản đối chất, bị đơn ông Trần Thanh T1 trình bày:

Ông xác nhận có viết và ký Giấy mượn tiền ngày 14/8/2017 với ông Lương Công T, với số tiền 600.000.000 đồng nhưng thực tế ông không có mượn tiền của ông T, ông chỉ là người viết giấy mượn tiền và ký thay bà Huỳnh Thị Thúy V để trả nợ cho ông Nguyễn Tuấn A. Bà V mới là người mượn tiền của ông T để trả cho ông Nguyễn Tuấn A.

Do đó, ông không đồng ý với yêu cầu của ông T buộc ông phải trả số tiền 600.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tuấn A thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn.

Tại bản tự khai ngày 12/8/2019, người làm chứng ông Lê Vũ Đình Q trình bày:

Ông làm việc tại Công ty bảo vệ Long Hải 24H. Khoảng tháng 6/2017, ông bắt đầu làm việc tại Tòa nhà 331/3 Nam Kỳ Khởi Nghĩa theo sự chỉ đạo của Ban Giám đốc, với nhiệm vụ bảo vệ (theo Hợp đồng ký giữa Công ty với bà

Huỳnh Thị Thúy V và Công ty Phở Đông). Ông tận mắt chứng kiến ông T1 ký thay giấy nợ cho bà V với rất nhiều người nên ông không xác nhận được ông T1 ký cụ thể với người nào. Ngày 14/8/2014, ông chứng kiến ông T1 xin khất nợ và ký nợ với anh chị (chị Thảo, còn một người đàn ông thì ông không biết tên). Ông xác định không nhìn thấy trực tiếp và cũng không biết gì về giấy mượn tiền đề ngày 14/8/2017 giữa ông Lương Công T và ông Trần Thanh T1 mà Tòa án đã đưa cho ông xem.

Tại bản án sơ thẩm số 357/2020/DS-ST ngày 18/8/2020, Tòa án nhân dân Quận 12 đã tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc ông Trần Thanh T1 chịu trách nhiệm trả cho ông Lương Công T số tiền nợ gốc 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng) theo “Giấy mượn tiền” ngày 14/8/2017, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Việc giao nhận tiền do các bên tự nguyện thực hiện hoặc thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa giao trả hết số tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông Trần Thanh T1 chịu án phí dân sự sơ thẩm là 28.000.000đ (hai mươi tám triệu đồng).

Ông Lương Công T được nhận lại 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0035888 ngày 19/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 31/8/2020, ông Trần Thanh T1 là bị đơn nộp đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Bị đơn ông Trần Thanh T1 kháng cáo cho rằng bị ép buộc ký giấy mượn tiền, nếu không ký sẽ nguy hiểm đến tính mạng. Ông không biết ông Lương Công T là ai và ông T cũng không có giao tiền cho ông.

Do ông Nguyễn Tuấn A cho bà Huỳnh Thị Thúy V vay tiền nhưng bà V đã trốn tránh không trả. Khi biết ông quen bà V nên đã tìm cách cùng bà V ép ông ký giấy nhận nợ với ông Lương Công T để buộc ông trả tiền thay cho bà V. Do đó, ông yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lương Công T.

+ Nguyên đơn ông Lương Công T ủy quyền cho ông Nguyễn Tuấn A đại diện yêu cầu không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Thanh T1 và giữ nguyên án sơ thẩm.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tuấn A yêu cầu giữ nguyên án sơ thẩm.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Từ khi thụ lý giải quyết vụ án phúc thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án. Đồng thời, các đương sự trong vụ án thực hiện các quyền và chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ Giấy mượn tiền ngày 14/8/2017 và tại phiên tòa phúc thẩm ông T1 xác nhận chữ viết và chữ ký trong Giấy mượn tiền ngày 14/8/2017 là do ông viết và ký tên. Ông T1 kháng cáo cho rằng bị đe dọa và ép buộc ký giấy mượn tiền nêu trên, tuy nhiên ông T1 không xuất trình được chứng cứ chứng minh ông bị ông T và ông Tuấn Anh đe dọa và ép buộc ký giấy mượn tiền.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T1 và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Thúy V đã được tổng đạt hợp lệ tham gia phiên tòa phúc thẩm đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà V theo quy định khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Theo Giấy mượn tiền ngày 14/8/2017 có nội dung: Ông Lương Công T có cho ông Trần Thanh T1 mượn số tiền 600.000.000 đồng. Ông T sẽ thanh toán số tiền chia ra là 02 đợt: Đợt 1 ngày 25/8/2017 thanh toán số tiền 200.000.000 đồng và đợt 2 ngày 10/9/2017 thanh toán số tiền 400.000.000 đồng. Nếu ông T1 không đúng cam kết thì ông T1 phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu ông T khởi kiện. Ông T có nghĩa vụ trả lại tất cả các giấy tờ có liên quan cho ông T1 khi ông T1 đã thanh toán xong. Tại phần ký tên ông Trần Thanh T1 có ghi đã nhận đủ tiền (bút lục số 225).

[3] Ông T1 kháng cáo cho rằng bị ép buộc ký Giấy mượn tiền ngày 14/8/2017 và thực chất là ông ký nhận nợ thay cho bà Huỳnh Thị Thúy V chứ ông không có nợ ông T. Tuy nhiên, ông T1 không xuất trình được chứng cứ chứng minh là bị ép buộc ký Giấy mượn tiền nêu trên. Đồng thời, theo Kết quả xác minh của Công an Quận 3 và Công an Phường 7, Quận 3 có nội dung: Qua rà soát lưu trữ hồ sơ trình báo tố cáo từ năm 2017 đến nay thì không ghi nhận trường hợp nào tên Trần Thanh T1 nộp đơn trình báo hay tố cáo bị ép ký giấy

mượn tiền. Do đó, ông T1 kháng cáo cho rằng bị ép buộc ký Giấy mượn tiền ngày 14/8/2017 là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[4] Tại Biên bản làm việc ngày 13/7/2018, Bản tự khai ngày 11/01/2019, Biên bản đối chất ngày 12/8/2019 và tại phiên tòa phúc thẩm, ông T1 xác nhận chữ viết, chữ ký, dấu lấn tay trong Giấy mượn tiền ngày 14/8/2017 là do ông viết, ký tên và lấn tay. Đồng thời, tại Giấy mượn tiền ngày 14/8/2017 cũng thể hiện ông T1 có ghi “Đã nhận đủ tiền”. Do đó, ông T1 kháng cáo cho rằng, ông không có nhận tiền theo Giấy mượn tiền ngày 14/8/2017 của ông T là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[5] Án sơ thẩm căn cứ Giấy mượn tiền ngày 14/8/2017 để chấp nhận yêu cầu của ông T và buộc ông T1 phải trả cho ông T số tiền 600.000.000 đồng là có căn cứ nên giữ nguyên.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T1 và giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên ông T1 phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 466; Điều 470 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Chương III Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Thanh T1.
2. Giữ nguyên bản án số 357/2020/DS-ST ngày 18/8/2020 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc ông Trần Thanh T1 chịu trách nhiệm trả cho ông Lương Công T số tiền nợ gốc 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng) theo “Giấy mượn tiền” ngày 14/8/2017, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Việc giao nhận tiền do các bên tự nguyện thực hiện hoặc thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa giao trả hết số tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không

có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.2. Về án phí: Ông Trần Thanh T1 chịu án phí dân sự sơ thẩm là 28.000.000đ (hai mươi tám triệu đồng).

Ông Lương Công T được nhận lại 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0035888 ngày 19/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Thanh T1 chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) do ông Trần Thanh T1 nộp theo biên lai thu số 0105039 ngày 08/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận 12;
- TAND Quận 12;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc Tường